

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings ngày 22/04/2021;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được tiến hành với sự tham dự của 76 cổ đông sở hữu và đại diện cho tổng số 24.038.761 cổ phần chiếm 93,36% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Đại hội đã làm việc với tinh thần khẩn trương và nghiêm túc để thông qua và quyết nghị các vấn đề sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 (có chi tiết kèm theo), trong đó:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất) của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	
Doanh thu	2.000	1.353	68%	1.537
Lợi nhuận gộp	110	98	89%	159
Chi phí QLDN	66	55	83%	63,8
Lợi nhuận sau thuế	15	1	7%	9,8

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau :

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (tỷ đồng)
I	Doanh thu	2.000
II	Lợi nhuận gộp	120
II	Lợi nhuận sau thuế	36

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 1.

Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Số tiền phân phối
1	Vốn điều lệ	257.482.600.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	1.089.606.705
3	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm 2020	1.089.606.705

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 2.

Điều 3. Thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng):

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông nội dung số 3.

Điều 4. Thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021:

- Mức cố định: Không vượt quá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).
- Mức thưởng vượt chỉ tiêu kế hoạch: Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành 30% Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch (Trong đó Hội đồng quản trị 15%, Ban điều hành 15%).

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông nội dung số 4.

Điều 5. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích cho Công ty (*chi tiết tại tờ trình đính kèm*):

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 5.

Điều 6. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty (*chi tiết theo tờ trình đính kèm*):

6.1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức :

1. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings
2. Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng/cổ phiếu*)
4. Vốn điều lệ trước khi phát hành : **257.482.600.000** đồng
5. Cổ phiếu quỹ : **0** cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : **25.748.260** cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : **2.059.861** cổ phiếu
8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : **20.598.610.000** đồng (*Hai mươi tỷ năm trăm chín tám triệu sáu trăm mười ngàn đồng*) theo mệnh giá.
9. Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.
10. Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
11. Tỷ lệ phát hành : **8%** tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền **100:8**, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 08 cổ phiếu.
Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm.
12. Nguồn vốn sử dụng : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của Công ty mẹ năm 2020 và không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.
13. Xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 160 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số

lượng cổ phiếu mới phát hành để trả cổ tức tương ứng là $160 \times 8\% = 12,8$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 12 cổ phiếu, số 0,8 cổ phiếu lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ.

14. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành : Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.
15. Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến trong năm 2021, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
16. Các hạn chế liên quan : Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.
17. Đăng ký niêm yết bổ sung : ĐHCĐ cam kết niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

6.2. Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu :

1. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Vốn điều lệ trước khi phát hành : 257.482.600.000 đồng
5. Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 25.748.260 cổ phiếu
7. Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
8. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến : 12.874.130 cổ phiếu
9. Giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến : 128.741.300.000 đồng
10. Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
11. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
12. Nguyên tắc xác định giá chào bán : **a. Nguyên tắc xác định giá chào bán:**
 - Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tại thời điểm 31/12/2020 trên BCTC kiểm toán hợp nhất
 Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu / Số cổ phiếu đang lưu hành
 = 399.706.209.338/ 25.748.260
 = 15.523 đồng/ cổ phiếu
 - Giá trị thị trường cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings giao dịch tại SGD Chứng khoán Tp.HCM: được tính theo giá đóng cửa trung bình trong 10 phiên giao

dịch (từ ngày 18/3/2021 đến 31/03/2021) là 12.455 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp:

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng/cp)
Phương pháp giá trị sổ sách	15.523
Phương pháp giá trị trường	12.695
Giá bình quân	13.989

b. Xác định giá chào bán:

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, nhằm tăng khả năng huy động vốn của Công ty, HĐQT xin đề xuất giá chào bán **10.000 đồng/cổ phiếu**.

13. Tỷ lệ thực hiện quyền : **2:1**, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách thì có 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm, cổ đông A đang sở hữu 155 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(155:2) = 77,5$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của cổ đông A được mua sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 77 cổ phiếu.

14. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3.

Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên. Trường hợp chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông dẫn đến tỷ lệ sở hữu của bên nhận chuyển nhượng vượt quá quy định về chào mua công khai thì Đại hội đồng cổ đông thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua và mua cổ phần của đợt phát hành này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.

15. Mức độ pha loãng cổ phiếu : **a. Pha loãng giá cổ phiếu**

Trong đợt phát hành này, PHC chào bán 12.874.130 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định.

Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao

dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

P_{R1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH.

Ví dụ: giá đóng cửa của cổ phiếu PHC tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng, giá cổ phiếu của PHC sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{12.000 + (50\% \times 10.000)}{1 + 50\%} = 11.333 \text{ đồng/CP}$$

Như vậy, việc phát hành thêm lượng cổ phiếu như trên sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty.

b. Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế /Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân.

Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

c. Pha loãng giá trị sổ sách

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

16. Thời gian dự kiến chào bán : Dự kiến trong năm 2021, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

17. Đăng ký niêm yết bổ sung : ĐHCĐ cam kết niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

18. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết (cổ phiếu còn dư):

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Trường hợp cổ đông/ nhà đầu tư mua cổ phiếu còn dư dẫn đến tỷ lệ sở hữu vượt quá quy định về chào mua công khai thì Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua cổ phiếu còn dư của đợt chào bán này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Cổ đông/ nhà đầu tư

mua cổ phiếu còn dư phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.

- Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

19. Hạn chế chuyển nhượng:

- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng;

- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

6.3. Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho nhà đầu tư công chúng:

1. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho nhà đầu tư công chúng thông qua đấu giá hoặc thông qua các đại lý phát hành.
ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong hai phương thức chào bán trên.
5. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến : **10.000.000** cổ phiếu
6. Giá trị chào bán theo mệnh giá : **100.000.000.000** đồng
7. Đối tượng chào bán : Nhà đầu tư công chúng.
8. Địa điểm thực hiện : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh trong trường hợp bán đấu giá cổ phiếu, hoặc tại các Công ty chứng khoán trong trường hợp chào bán cổ phiếu thông qua các đại lý phát hành.
9. Giá khởi điểm chào bán : **Tối thiểu 12.000 đồng/cổ phiếu.**
ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định giá khởi điểm chào bán nhưng không thấp hơn 12.000 đồng/cổ phiếu.
10. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm chào bán : a. **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** căn cứ trên giá trị sổ sách, giá thị trường (như đã trình bày tại Phần III.12) và khả năng điều chỉnh giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường khi thực hiện quyền mua, quyền nhận cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

b. Xác định giá chào bán:

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, nhằm tăng khả năng chào bán thành công, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định giá khởi điểm chào bán nhưng không thấp hơn **12.000 đồng/cổ phiếu**.

11. Pha loãng giá cổ phiếu : Cổ phiếu chào bán ra công chúng cho nhà đầu tư công chúng không làm điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường.
12. Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu : Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế /Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân.
Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.
13. Pha loãng giá trị sổ sách : Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.
14. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ cổ phiếu còn dư do HĐQT tiếp tục chào bán.
15. Xử lý cổ phiếu còn dư do Nhà đầu tư không đăng ký mua hoặc đã đăng ký mua nhưng không thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu : HĐQT tiếp tục chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư có nhu cầu mua với giá chào bán không thấp hơn giá khởi điểm chào bán. Toàn bộ số cổ phiếu do HĐQT chào bán bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
Trường hợp cổ đông/ nhà đầu tư mua cổ phiếu còn dư do HĐQT chào bán dẫn đến tỷ lệ sở hữu vượt quá quy định về chào mua công khai thì Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua cổ phiếu còn dư của đợt chào bán này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu.
Trong trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số cổ phiếu này sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
16. Thời gian dự kiến chào bán : Dự kiến trong năm 2021, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
17. Đăng ký niêm yết bổ sung : ĐHĐCĐ cam kết niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

6.4. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán: **tối thiểu 70%** (cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu là 70% số cổ phiếu dự kiến chào bán). Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội

đồng cổ đồng ủy quyền cho Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

6.5. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định những vấn đề cần thiết để hoàn thành việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, cụ thể như sau:

- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để hoàn tất việc phát hành;
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án tăng vốn điều lệ, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo quy định;
- Quyết định giá khởi điểm chào bán;
- Quyết định lựa chọn hoặc thay đổi địa điểm thực hiện đấu giá cổ phiếu và/hoặc các đại lý thực hiện chào bán chứng khoán;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Lựa chọn thời điểm chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
- Thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần tại Điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có). Trong trường hợp nhà đầu tư không đăng ký mua hết số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động chào bán tiếp số cổ phiếu này cho các đối tượng khác do Hội đồng quản trị lựa chọn với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm chào bán;
- Trong trường hợp thực hiện bán đấu giá cổ phần: HĐQT được quyết định chủ động xây dựng quy chế đấu giá, lựa chọn hình thức đấu giá, lựa chọn tổ chức thực hiện chào bán và quyết định các vấn đề liên quan đến cuộc đấu giá; Trong trường hợp thực hiện chào bán cổ phần thông qua các đại lý chào bán, HĐQT được quyết định phương thức chào bán, quy chế chào bán, địa điểm chào bán và các vấn đề khác để thực hiện chào bán.
- Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông; Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt phát hành cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
- Lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu mới phát hành theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết tham dự Đại hội.

- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 6.

Điều 7. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty (chi tiết theo tờ trình đính kèm):

STT	Nội dung	Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
1	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật chứng khoán 	Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành
2	Điều 1	1.1.2. "Pháp luật" là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Chương I Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008 hoặc tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật		Xóa bỏ để tối giản hóa các quy định tại Điều lệ

	số 17/2008/QH12;		
	1.1.3 "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	1.1.2 "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành
	1.1.4 "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 các văn bản hướng dẫn thi hành;	1.1.3 "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành
	1.1.16 " <i>Người có liên quan</i> " là ... (a) Công ty Mẹ, người quản lý Công ty Mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với Công ty con trong nhóm Công ty; (b) Công ty con đối với Công ty Mẹ trong nhóm Công ty; (c) Người hoặc nhóm người có khả năng... (d) Người quản lý Công ty; (e) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, Mẹ đẻ, Mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty hoặc của cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; (f) Cá nhân được ủy quyền đại	1.1.15. " <i>Người có liên quan</i> " là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây: a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con ; c) Người hoặc nhóm người có khả năng... d) Người quản lý Công ty; e) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ , con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019



		<p>diện cho những người, Công ty quy định tại các điểm a,b,c,d,e khoản này;</p> <p>(g) Doanh nghiệp trong đó những người, Công ty quy định tại các điểm a,b,c,d,e,f và h khoản này có sở hữu vốn, cổ phần đến mức chi phối việc ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Công ty;</p> <p>(h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.</p>	<p>người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, cổ đông sở hữu cổ phần chi phối;</p> <p>f) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của những người, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản này;</p> <p>g) Cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;</p> <p>h) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và i khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty;</p> <p>i) Tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, thu tóm cổ phần hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;</p>	
			<p>1.1.17. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p>	Bổ sung thêm định nghĩa về Người có quan hệ gia đình
3	Điều 3	<p>"4220": Xây dựng công trình công ích</p>	<p>"4221": Xây dựng công trình điện</p> <p>"4222": Xây dựng công trình cấp, thoát nước</p> <p>"4223": Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc</p> <p>"4229" Xây dựng công trình công ích khác</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Hệ thống ngành được ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg thay cho quy định cũ tại Quyết định
		<p>"4290": Xây dựng công trình kỹ</p>	<p>"4291": Xây dựng công trình</p>	

thuật dân dụng khác"	thủy "4292": Xây dựng công trình khai khoáng "4293": Xây dựng công trình chế biến, chế tạo "4299": Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
"4210": Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	"4211": Xây dựng công trình đường sắt "4212": Xây dựng công trình đường bộ
"4322": Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh; Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải	"4322": Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh; Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải
"5221": Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	"5221": Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt "5225": Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
"7730": Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng, văn phòng	"7730": Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng, văn phòng
"8299": Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	"8299": Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hoá, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng,

10/2007/QĐ-
 TTg và định
 hướng phát
 triển của Công
 ty

			hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;	
		<p>"4741": Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <p>"4651": Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;</p> <p>"4652": Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông ;</p> <p>"4933": Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.</p>		
			<p>"9311": Hoạt động của các cơ sở thể thao (chi tiết: Hoạt động bể bơi)</p> <p>"7721": Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí</p> <p>"3700": Thoát nước và xử lý nước thải</p> <p>"3600": Khai thác, xử lý và cung cấp nước</p> <p>"4329": Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p>	
4	Điều 13	13.1.8 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp, cụ thể....	<p>13.1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp, cụ thể....</p> <p>13.1.9. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>13.1.10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh phù hợp tham chiếu Luật Doanh nghiệp 2020
5		13.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng	13.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm	Điều chỉnh phù hợp quy định tại Điều 115 và Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020

	<p>Có các quyền sau:</p> <p>13.2.1 Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 27.2, Điều 27 và Khoản 35.2, Điều 35, Điều lệ này;</p> <p>13.2.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>13.2.3 Yêu cầu ... tại Điều 114.3 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:</p> <p>13.2.3.1 Hội đồng quản trị vi phạm...;</p> <p>13.2.3.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị ...;</p> <p>13.2.4 Kiểm tra và nhận bản sao...;</p> <p>13.2.5 Yêu cầu Ban kiểm soát ...;</p> <p>...</p> <p>13.3.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp, cụ thể:</p>	<p>soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 27.2 Điều 27 và Khoản 35.2 Điều 35 của Điều lệ này.</p> <p>13.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>13.3.1 Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>13.3.2 Yêu cầu ... Điều 115.3 của Luật Doanh nghiệp, cụ thể:</p> <p>13.3.2.1 Hội đồng quản trị vi phạm...;</p> <p>13.3.2.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị...;</p> <p>13.3.3 Kiểm tra và nhận bản sao ...;</p> <p>13.3.4 Yêu cầu Ban kiểm soát...;</p> <p>13.3.5 Yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài thương mại xem xét hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>...</p> <p>13.4.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của</p>	
--	--	---	--



			Luật doanh nghiệp, cụ thể:	
6	Điều 16	16.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, ...Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể gia hạn thời hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá 6 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và được chấp thuận bởi cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.	16.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, ...Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể gia hạn thời hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 6 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phù hợp quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020: Việc gia hạn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không cần có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.
7		16.3.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số lượng quy định bởi pháp luật hoặc số lượng HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ; 16.3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.2, Điều 13 ... 16.3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	16.3.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số lượng quy định bởi pháp luật hoặc số lượng HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 27.1 của Điều lệ này. 16.3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.3, Điều 13 16.3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Bổ sung từ ngữ cho phù hợp. Sửa đổi dẫn chiếu phù hợp.
8		ĐIỀU 17. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17.1. Đại hội đồng cổ đông	ĐIỀU 17. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17.1. Đại hội đồng cổ đông có	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp

	<p>thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>17.1.1. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>17.1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>17.1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>17.1.4. Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;</p> <p>17.1.5. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</p> <p>17.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>17.2.1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>17.2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ</p>	<p>quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>17.1.1. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>17.1.2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;</p> <p>17.1.3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>17.1.4. Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;</p> <p>17.1.5. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</p> <p>17.1.6. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán và giao cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết các phương án liên quan đến việc phát hành và chào bán cổ phần hoặc các loại chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành cổ phần của Công ty, kể cả phương án chào bán và/hoặc phát hành (riêng lẻ hoặc ra công chúng), phương án sử dụng vốn, phương án trả nợ;</p> <p>17.1.7. Chế độ thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>17.1.8. Lựa chọn Công ty kiểm toán;</p> <p>17.1.9. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>17.1.10. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>17.1.11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>17.1.12. Chia, tách, hợp</p>	<p>2020 và điều khoản của Điều lệ</p>
--	--	---	---------------------------------------

	<p>đồng;</p> <p>17.2.3. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán và giao cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết các phương án liên quan đến việc phát hành và chào bán cổ phần hoặc các loại chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành cổ phần của Công ty, kể cả phương án chào bán và/hoặc phát hành (riêng lẻ hoặc ra công chúng), phương án sử dụng vốn, phương án trả nợ;</p> <p>17.2.4. Chế độ thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>17.2.5. Lựa chọn Công ty kiểm toán;</p> <p>17.2.6. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>17.2.7. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>17.2.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>17.2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>17.2.10. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>17.2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại</p>	<p>nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>17.1.13. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>17.1.14. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>17.1.15. Quyết định đầu tư hoặc bán số bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;</p> <p>17.1.16. Công ty mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại phù hợp với Điểm 10.1.1 Điều 10 của Điều lệ;</p> <p>17.1.17. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điểm 38.4.2 Điều 38 của Điều lệ này;</p> <p>17.1.18. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông tự mình hoặc theo đề xuất của Hội đồng quản trị, có thể giao lại cho Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điều này;</p> <p>17.1.19. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>17.2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>17.2.1. Các hợp đồng quy định tại Khoản 17.1.17 Điều này khi</p>	
--	--	---	--

	<p>cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>17.2.12. Quyết định đầu tư hoặc bán số bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;</p> <p>17.2.13. Công ty mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>17.2.14. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;</p> <p>17.2.15. Phê chuẩn hàng năm việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>17.2.16. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông tự mình hoặc theo đề xuất của Hội đồng quản trị, có thể giao lại cho Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điều này.</p> <p>17.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>17.2.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p> <p>17.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	--	---	--

		<p>17.3.1. Các hợp đồng quy định tại Khoản 17.2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>17.3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p> <p>17.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>		
9	Điều 18	<p>18.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện</p>	<p>18.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách là cá nhân mình Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện</p>	<p>Quy định theo hướng rõ ràng hơn để tránh nhầm lẫn</p>
10	Điều 19	<p>19.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói</p>	<p>19.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định của Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>

		trên biểu quyết thông qua	biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	
11	Điều 20	20.2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 20 (hai mươi) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	20.2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020
12		20.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp cổ phiếu Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)	20.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất [21] (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Phù hợp với quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.
13		20.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 13.2, Điều 13 của Điều lệ có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.....	20.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 13.3 , Điều 13 của Điều lệ có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.....	Điều chỉnh dẫn chiếu phù hợp
14		20.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất quy định tại Khoản 20.5 Điều này trong các trường hợp sau:	20.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những đề xuất quy định tại Khoản 20.5 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020

		<p>20.6.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ, không đúng về nội dung;</p> <p>20.6.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu không đủ ít nhất 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;</p> <p>20.6.3 Vấn đề ...</p> <p>20.6.4 Các trường hợp khác...</p>	<p>phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong các trường hợp sau:</p> <p>20.6.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ, không đúng về nội dung ;</p> <p>20.6.2 Vấn đề ...</p> <p>20.6.3 Các trường hợp khác ...</p>	
15			<p>20.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 20.5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 20.6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung quy định phù hợp với Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
16		<p>20.7 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được nhất trí thông qua bằng 100% ...</p>	<p>20.8 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được nhất trí thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) ...</p>	<p>Điều chỉnh cơ cấu, từ Khoản 7 thành Khoản 8 Điều 20 Điều lệ này</p>
17	Điều 22	<p>22.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ</p>	<p>22.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, ...</p>	<p>hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác,...</p>	
18			<p>22.17 Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
19	Điều 23	<p>23.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 23.2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề</p> <p>...</p> <p>23.1.1 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>23.1.2 Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;</p> <p>23.1.3 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>23.1.4 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>ĐHĐCĐ thông qua mọi Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản.</p> <p>23.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 23.2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề</p> <p>...</p> <p>23.1.1 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>23.1.2 Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;</p> <p>23.1.3 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>23.1.4 Đối với việc bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Điều lệ và hoạt động của Công ty</p>

20	Điều 24	24.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào đối với vấn đề trừ các vấn đề quy định tại Khoản 17.1, Điều 17 của Điều lệ này nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	24.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thay cho hình thức biểu quyết tại cuộc họp đối với vấn đề nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Sửa đổi phạm vi thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề quyết định của Công ty.
21	Điều 25	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông....	25.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình và nội dung cuộc họp; d) Họ, tên chủ tọa và thư ký; đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trọng nội dung chương trình họp; e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết	Bổ sung quy định về (i) Các nội dung chủ yếu của Biên bản họp ĐHĐCĐ (ii) trường hợp Chủ tọa và Thư ký từ chối ký Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020

			<p>thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>25.2 Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 25.1 Điều này, Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>25.3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
22	Điều 26	Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.2 của Điều lệ này....	Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.3 của Điều lệ này...:	Điều chỉnh tham chiếu phù hợp
23	Điều 27	27.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm 05 (năm). Nhiệm kỳ của	27.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 (năm) đến 11 (mười một) người, trong đó có từ 01 (một) đến 03 (ba)	Phù hợp quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-

		thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;	người là thành viên độc lập tùy theo số lượng thành viên Hội đồng quản trị và 1/3 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;	CP
			27.8. Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Bổ sung quy định thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
24	Điều 28.3	28.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: ...	28.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: ... 28.3.22 Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.	Phù hợp với quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
25	Điều 30	30.3. Các cuộc họp bất thường: ... 30.3.1. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ quản lý; 30.3.2. Ít nhất (02) hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; 30.3.3. Ban kiểm soát,	30.3. Các cuộc họp bất thường: ... 30.3.1. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ quản lý; 30.3.2. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; 30.3.3. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	Phù hợp quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020
26		30.9.1. Trừ trường hợp quy định tại Điểm 30.9.2, Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có	30.9.1. Trừ trường hợp quy định tại Điểm 30.9.2, Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy	Phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật

		mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có (01) một phiếu biểu quyết;	quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có (01) một phiếu biểu quyết. Người được ủy quyền chỉ được dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc chấp thuận này phải được ghi nhận vào Biên bản họp Hội đồng quản trị.	Doanh nghiệp 2020
27		30.11. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, chủ tọa và thư ký cuộc họp	30.11. Biên bản họp Hội đồng quản trị :Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, chủ tọa và thư ký cuộc họp. Trường hợp chủ tọa và thư ký cuộc họp từ chối ký, biên bản có hiệu lực khi được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Luật doanh nghiệp.	Bổ sung quy định về trường họp Chủ tọa và Thư ký cuộc họp từ chối ký biên bản phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020
28	Điều 33	33.2 Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những	33.2 Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Để trở thành Tổng giám đốc thì cần phải đáp ứng những điều kiện sau:	Bổ sung quy định về tiêu chuẩn của Tổng giám đốc phù hợp với quy định tại Khoản 50 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020



	<p>người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản;</p>	<p>33.2.1 Không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản</p> <p>33.2.2 Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;</p>	
<p>29</p>	<p>35.1. Kiểm soát viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. Các Kiểm soát viên của Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên</p>	<p>35.1. Kiểm soát viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. Các Kiểm soát viên của Ban kiểm soát không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. Kiểm soát viên phải được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh</p>	<p>Bổ sung quy định về tiêu chuẩn của Kiểm soát viên và Trưởng ban kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều 168 và 169 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	
30	Điều 36	<p>36.1. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên. Ban kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm nhưng không giới hạn bởi những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>36.1.1. Giám sát ...</p> <p>36.1.2. Kiểm tra tính hợp lý ...</p> <p>36.1.3. Thẩm định đầy đủ, hợp pháp</p> <p>... cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>36.1.4. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Thảo luận về những vấn đề khó khăn</p>	<p>36.1. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên. Ban kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm nhưng không giới hạn quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>36.1.1. Giám sát ...</p> <p>36.1.2. Kiểm tra tính hợp lý...</p> <p>36.1.3. Thẩm định đầy đủ, hợp pháp</p> <p>..., cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>36.1.4. Đề xuất để Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; Triển khai thực hiện việc thảo</p>	<p>Điều chỉnh điều khoản này phù hợp với Điều 170 Luật Doanh Nghiệp 2020 và Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;</p> <p>36.1.5. Rà soát, kiểm tra ...</p> <p>36.1.6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép</p> <p>... quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp</p> <p>36.1.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, ...</p> <p>36.1.8. Kiến nghị Hội đồng quản trị ...</p> <p>36.1.9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>36.1.10. Có quyền tham dự ...</p> <p>36.1.11. Có quyền sử dụng ...</p> <p>36.1.12. Ban kiểm soát...</p>	<p>luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty</p> <p>36.1.5. Rà soát, kiểm tra ...</p> <p>36.1.6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép</p> <p>... quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ này.</p> <p>36.1.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ này, ...</p> <p>36.1.8. Kiến nghị Hội đồng quản trị ...</p> <p>36.1.9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của doanh nghiệp vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp hoặc vi phạm Điều lệ công ty thì phải thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>36.1.10. Có quyền tham dự ...</p> <p>36.1.11. Có quyền sử dụng ...</p> <p>36.1.12. Ban kiểm soát...</p> <p>36.1.13 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động</p>	
--	---	---	--

			<p>giám sát của mình.</p> <p>36.1.14 Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>36.1.15 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán</p>	
31		<p>36.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến</p> <p>... và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người;</p>	<p>36.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến</p> <p>... và xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 288 và Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
32	Điều 38	<p>38.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý ... để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p>38.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và những người có liên quan của các cá nhân này ... để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác</p>	<p>Bổ sung “và những người có liên quan của các cá nhân này” phù hợp với Khoản 1 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
33		<p>38.4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng: (i) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>38.4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng: (i) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi Khoản này phù hợp với quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

		<p>38.4.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;</p>	<p>38.4.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch:</p> <p>(i) Hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>(ii) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>	
34	Điều 40	40.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.2, Điều 13 của Điều lệ này....;	40.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.3, Điều 13 của Điều lệ này....;	Sửa đổi dẫn chiếu phù hợp.

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 7.

Điều 8. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị (chi tiết tại tờ trình đính kèm):

STT	Nội dung	Quy chế quản trị hiện tại	Nội dung sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
1.	Tên gọi	QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS	Điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về tên quy chế
2.	Căn cứ	Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 NQ/2018/PH-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 NQ/2018/PH-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2018 và sửa đổi theo Nghị quyết số 01/NQ/2021/PH-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	Điều chỉnh phù hợp với số và ngày tháng của nghị quyết mới ban hành quy chế
3.	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	<p>2.1. Trong Quy chế này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>e. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Công ty Mẹ, người quản lý Công ty Mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với Công ty Con trong nhóm Công ty;</p> <p>(ii) Công ty Con đối với</p>	<p>2.1. Trong Quy chế này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>e. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định tại Điều 1.1.15 của Điều lệ Công ty.</p> <p>...</p> <p>h. Người phụ trách quản trị Công ty là</p>	Bổ sung phù hợp với đề xuất sửa đổi Điều 1.1.16 của Điều lệ như đề cập tại Bảng rà soát Điều lệ và Sửa đổi dẫn chiếu phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

	<p>Công ty (PHC) trong nhóm Công ty;</p> <p>(iii) Người hoặc nhóm người có khả năng...;</p> <p>(iv) Người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị...;</p> <p>(v) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty hoặc của cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>(vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, Công ty quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v điểm này;</p> <p>(vii) Doanh nghiệp trong đó những người, Công ty quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v, vi và viii khoản này có sở hữu vốn, cổ phần đến mức chi phối việc ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Công ty;</p> <p>(viii) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thầu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty</p> <p>h. Người phụ trách quản trị Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>	<p>người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>	
--	--	---	--

<p>4. Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</p>	<p>e. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>- Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn. Số thành viên của tổ kiểm phiếu không quá 03 (ba) người. Ngoài ra, chủ tọa có thể huy động một số thành viên để hỗ trợ công tác thu phiếu biểu quyết của cổ đông</p>	<p>e. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Quy định tại Điều 22.4 của Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Điều 22.4 của Điều lệ.</p>
	<p>h. Ghi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>- Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty (PHC). Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>+ Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục</p>	<p>h. Ghi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>- Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng việt và có các nội dung quy định tại Điều 25.1 và Điều 25.2 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với đề xuất sửa đổi Điều 25 của Điều lệ như đề cập tại Bảng rà soát Điều lệ.</p>

		<p>danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>+ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>+ Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>+ Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>- Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;</p>		
		<p>i. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Toà án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty (PHC).</p>	<p>i. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 24, Phụ lục I thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều lệ</p>
5.	Điều 6 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản	<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p>	<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

<p>trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>6.1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;</p> <p>6.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị; thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên;</p> <p>6.3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>6.4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;</p> <p>6.5. Đánh giá vị trí của Công ty (PHC) đối với các đơn vị cùng ngành và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty (PHC) so với định hướng chiến lược giai đoạn đồng thời đề xuất định hướng mới (nếu có).</p>	<p>6.1 Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;</p> <p>6.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị; thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>6.3 Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>6.4 Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc, và các cán bộ quản lý khác;</p> <p>6.5. Đánh giá vị trí của Công ty (PHC) đối với các đơn vị cùng ngành và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty (PHC) so với định hướng chiến lược giai đoạn đồng thời đề xuất định hướng mới (nếu có).</p> <p>6.6 Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty (PHC) nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm</p>	
---	---	---	--

			<p>gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>6.7 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>6.8 Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (Nếu có).</p>	
6.	Điều 7 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <p>7.1. Hoạt động của Ban kiểm soát; thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên;</p> <p>7.2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;</p> <p>7.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty (PHC);</p> <p>7.4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>7.5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và cổ đông.</p>	<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo tối thiểu có các nội dung sau:</p> <p>7.1 Hoạt động của Ban kiểm soát; Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>7.2 Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>7.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty (PHC);</p> <p>7.4 Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p> <p>7.5 Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và cổ đông.</p> <p>7.6 Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa</p>	Bổ sung theo quy định tại điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

			<p>công ty, công ty con, công ty do Công ty (PHC) nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>7.7 Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p>	
7.	Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	8.4 Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty		Bỏ quy định này bởi có sự trùng lặp với Điều 9.1 của Quy chế.

		(PHC) để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.		
8.	Điều 9 Cách thức bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9.1. Danh sách ứng viên: Danh sách và lý lịch ứng viên như quy định tại Điều 8.2 Quy chế này phải được gửi cho các Cổ đông trên website của Công ty (PHC) 07 (bảy) ngày trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông.	9.1. Danh sách ứng viên: Danh sách và lý lịch ứng viên như quy định tại Điều 8.2 Quy chế này (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) phải được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 điều 41 Luật chứng khoán 2019: việc công bố phải thực hiện tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
9.	Điều 10 Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	10.3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty (PHC) không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị của trên 05 (năm) Công ty khác, trừ trường hợp là thành viên hội đồng quản trị của các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết trong hệ thống Công ty (PHC), hoặc là người đại diện của Công ty quản lý quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán.	10.3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty (PHC) không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị của trên 05 (năm) Công ty khác.	Điều chỉnh phù hợp với Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Theo đó, thành viên Hội đồng quản trị Công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị của trên 05 (năm) Công ty khác, không có ngoại lệ
10	Điều 14. Họp Hội đồng quản trị	14.2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa, thư ký cuộc họp và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ	14.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị: 14.2.1 Biên bản họp Hội đồng quản trị phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	Điều chỉnh điều này phù hợp với đề xuất sửa Điều 30.11 của Điều lệ như đề cập tại Bảng rà soát Điều lệ.

		<p>và gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (PHC);</p>	<p>(b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>(c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>(d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>(e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>(f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>(g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>(i) Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, chủ tọa và thư ký cuộc họp trừ trường hợp quy định tại điều 14.2.2 Điều này.</p> <p>14.2.2 Trường hợp chủ tọa và thư ký cuộc họp từ chối ký, biên bản này có hiệu lực khi được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham</p>	
--	--	--	--	--

			dự hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết a, b, c, d, đ, e, g và h, Điều 14.2.1 này.	
11	Điều 22 Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	22.3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty (PHC) của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này	22.3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty (PHC) của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Luật doanh nghiệp 2020
12	Điều 30 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc,	30.3 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kiểm soát viên Ban kiểm soát và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty (PHC) nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của	30.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty (HPC) nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

	cán bộ quản lý khác.	pháp luật.	những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.	
13	Điều 36. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kiểm soát viên Ban kiểm soát	36.1 Các giao dịch giữa Công ty (PHC) với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) điều hành trong thời gian 03 (ba) năm trước	36.1 Các giao dịch giữa Công ty (PHC) với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 299 nghị định 155/2020/NĐ-CP
14	Điều 40. Hiệu lực thực hiện	40.1 Quy chế này có hiệu lực từ ngày được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (PHC) ký thông qua, ngày tháng 04 năm 2020. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. 40.2 Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings ban hành theo Quyết định số 01 QĐ/2017/PH-HĐQT ngày 02/01/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (PHC) bị bãi bỏ kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.	40.1 Quy chế này có hiệu lực từ ngày được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (PHC) ký ban hành trên cơ sở nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. 40.2 Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings ban hành trước đây bị bãi bỏ kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.	Căn cứ khoản 2 Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo đó, quy chế quản trị nội bộ công ty sẽ có hiệu lực kể từ khi chủ tịch hội đồng quản trị ký ban hành dự trên nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế.

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 8.

Điều 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị áp dụng cho Công ty đại chúng:

Trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị áp dụng cho Công ty đại chúng (*Dự thảo Quy chế đính kèm*)

Tỷ lệ biểu quyết

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 9.

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát áp dụng cho Công ty đại chúng:

Trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát áp dụng cho Công ty đại chúng (*Dự thảo Quy chế đính kèm*)

Tỷ lệ biểu quyết

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 10.

Điều 11. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty

- Danh sách ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Số phiếu bầu</u>
Ông Cao Tùng Lâm	45.777.462
Ông Trần Huy Tường	22.070.173

Ông Trần Hồng Phúc	21.979.984
Ông Đỗ Nguyên An	21.581.900
Ông Nguyễn Đức Thắng	19.821.040
Ông Nguyễn Công Khanh	18.790.796
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	18.249.944

- Danh sách ứng cử viên trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Số quyền biểu quyết (Số phiếu bầu)</u>
Ông Nguyễn Như Phi	30.157.601
Ông Cao Xuân Dũng	23.479.335
Bà Phạm Thị Thanh Tuyền	18.479.335

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết

- Đồng ý : 24.038.761 cổ phần, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không đồng ý : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến : 0 cổ phần, tương ứng 0,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

Theo kết quả biểu quyết, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung số 11.

Đại hội nhất trí giao cho HĐQT có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, BKS có trách nhiệm giám sát kiểm tra đề xuất giải pháp thực hiện tốt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Thành viên BKS;
- Đăng tải Website Phục Hưng;
- UBCKNN, Sở GDCKHN
- Lưu HĐQT;
- Lưu file ĐHĐCĐ./.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
 CHỦ TỊCH ĐOÀN**



CAO TÙNG LÂM